TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/KDTM-PT
Ngày: 17-3-2026
V/v "Tranh chấp yêu cầu bồi hoàn tiền bảo hiểm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Vui

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trí Thức

Bà Bùi Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Vân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11-3 và 17-3-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 377/2025/TLPT-KDTM ngày 16-12-2025 về việc *"Tranh chấp yêu cầu bồi hoàn tiền bảo hiểm"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 15-8-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2026/QĐ-PT ngày 19-01-2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1942/2025/QĐ-PT ngày 05-02-2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty B1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh Đ, sinh năm 1973 – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 – Phó Phòng pháp chế – Tổng Công ty B1 (có mặt);

- Ông Hoàng Minh Q, sinh năm 2001 – Chuyên viên Phòng pháp chế – Tổng Công ty B1 (có mặt);

- Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1981 – Chuyên viên Phòng QLNV&BT – Công ty Bảo hiểm P3 Thành phố H (có mặt);

- Ông Trần Tuấn D, sinh năm 1980 – Phòng XCG2 – Trung tâm Chăm sóc khách hàng phía Nam – Tổng Công ty B1 (vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 326/UQ-PVIBH ngày 31-12-2025)

Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà P, Lô V Y, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn T1, sinh năm 1957 – Giám đốc Công ty (có mặt).

Địa chỉ: C N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1955; Địa chỉ: 2 L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh); Địa chỉ liên hệ: E L, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, TP H) *(theo Giấy ủy quyền số công chứng 000069 ngày 16-01-2024)* (vắng mặt).

- Ông Trần Đình D1, sinh năm 2001 (có mặt);

- Bà Nguyễn Viết Minh C1, sinh năm 2003 (có mặt);

(Theo Giấy ủy quyền ngày 06-01-2026)

Địa chỉ: 4 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1957 – Công ty L – Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt);

- Ông Trương Ngô Hồng T3, sinh năm 1986 – Công ty L – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Địa chỉ: B H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5.

Người đại diện pháp luật: Ông Vũ Đình Đ1.

Cùng địa chỉ: Số A C, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

3.2. Ông Hoàng Phúc N, sinh năm 1975; Địa chỉ: 1 Khu phố B, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

3.3. Ông Phạm T4, sinh năm 1963; Địa chỉ: 8 Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Tổng Công ty B1 và những người đại diện hợp pháp thống nhất trình bày:

Ngày 06-01-2022, Công ty B – đơn vị thành viên của Tổng Công ty B1 (sau đây gọi tắt là P3) đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 220005458 hiệu lực từ 06-01-2022 đến ngày 06-01-2023 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 (sau đây gọi tắt là Công ty T5) về việc bảo hiểm vật chất cho xe ô tô biển số 51F-578.70; số khung SALWA2FF4FA539909; số máy ELD11180515094454730 6DT.

Theo Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 110/TB-CSĐT-TH ngày 05-4-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thì xe biển số 51F-578.70 bị xe ô tô khách biển số 72B-031.60 va chạm như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 20-7-2022, ông Phạm T4, sinh năm 1963, điều khiển ô tô khách biển số 72B-031.60 (Tên chủ xe: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 (sau đây gọi tắt là Công ty P1)) đang lưu thông trên đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - L - D theo hướng Thành phố Hồ Chí Minh đi Quốc lộ E huyện L. Khi ông T4 điều khiển xe khách biển số 72B-031.60 đi đến K+00 đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - L - D thuộc ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Lúc này, tài xế T4 thắng gấp để tránh va chạm với 01 chiếc xe ô tô đang đi phía trước cùng chiều (chưa xác định được biển số xe) thì xe ô tô khách biển số 72B-031.60 bị bể lốp trước, bên trái làm xe loạng choạng không thể điều khiển được, xe tiếp tục chạy qua làn đường thứ ba (làn sát dãy phân cách cứng) thì xảy ra va chạm vào phần hông bên phải xe ô tô biển số 51F-578.70 do ông Hoàng Phúc N đang lưu thông trên làn đường trong cùng, song song, cùng chiều với ô tô khách do ông T4 điều khiển. Va chạm giao thông khiến cho xe ô tô biển số 51F-578.70 và xe ô tô khách biển số 72B-031.60 bị hư hỏng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Đ2 Công an huyện N đã tiến hành đo, vẽ, chụp ảnh và khám nghiệm hư hỏng các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông nói trên.

Căn cứ Kết quả giám định của Giám định viên P3, căn cứ theo báo giá sửa chữa của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P2, Thành phố Hồ Chí Minh, xe ô tô biển số 51F-578.70 bị tổn thất với số tiền là 702.629.452 đồng. Trên cơ sở các điều kiện/điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm/giấy chứng nhận bảo hiểm số 220005458 nêu trên, P3 đã bồi thường cho Công ty T5 – chủ xe ô tô biển số 51F-578.70, số tiền 702.629.452 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định về trách nhiệm chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn thì ngày 27-6-2023, Công ty T5 đã có Thư chấp nhận bồi thường và chuyển quyền khiếu nại bên thứ ba gây ra tổn thất nêu trên cho P3. Theo đó P nhận thế quyền từ Công ty T5 yêu cầu bên thứ ba Công ty P1 – chủ xe ô tô khách biển số 72B-031.60 bồi hoàn số tiền mà P3 đã bồi thường cho thiệt hại vật chất đối với xe ô tô biển số 51F-578.70.

Về quan điểm của bị đơn rằng sự việc tai nạn là sự kiện bất khả kháng thì nguyên đơn cho rằng không đúng, bởi vì đây chỉ là sự kiến bất ngờ theo ghi nhận tại Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 110/TB ngày 05-4-2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N do trước khi xảy ra va chạm giao thông, lốp xe bánh trước trên cùng bên trái của xe ô tô khách biển số 72B-031.60 bị bể lốp nên không thể điều khiển xe ô tô đúng làn đường. Tuy nhiên, khoản 1, khoản 3 Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015 về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra đã quy định: *Nguồn nguy hiểm cao độ bao gồm phương tiện giao thông; chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi trừ trường hợp "thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại"; "thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"*.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-8-2022 tại Đội Điều tra tổng hợp Công an huyện N, Đồng Nai (cũ), ông Phạm T4 tài xế điều khiển xe ô tô khách biển số 72B-031.60 có khai nội dung *"Lúc này tôi điều khiển xe đi với tốc độ khoảng 70km/h và đi làn đường giữa hướng Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - L - D để ra Quốc lộ E huyện L đi về V thì phía trước cùng chiều cách xe tôi khoảng 15m (tôi không nhớ biển số xe) bất ngờ thắng gấp……"*. Trong khi đó, theo Điều 11 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 quy định về khoảng các an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông trên đường, trong trường hợp này, tối thiểu là 55m.

Về số tiền P3 đã bồi thường cho chủ sở hữu xe ô tô biển số 51F-578.70 – Công ty T5, là hoàn toàn hợp lý, bởi lẽ số tiền này còn thấp hơn chi phí sửa chữa theo kết luận của Hội đồng định giá huyện N trong Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm số 110 ngày 05-4-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Do vậy, ngày 25-10-2023, Tổng Công ty B1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 – Chủ xe ô tô khách biển số 72B-031.60 bồi hoàn số tiền 702.629.452 đồng cho P3.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty P1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì những lý do sau đây:

Nguyên nhân của việc va chạm giữa hai xe ô tô đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xác nhận đây là sự kiện bất ngờ, vì xe của Công ty P1 đang lưu thông trên đường thì bị bể bánh trước bên phải làm cho xe loạng choạng không thể điều khiển được. Như vậy đây là sự kiện bất khả kháng, ngoài kiểm soát của con người.

Ngoài ra, khi giám định xác minh những hư hỏng của xe để tiến hành sữa chữa lại không có sự tham gia của đại diện Công ty P1, điều này là không khách quan và không thể xác định được mức thiệt hại thật sự của xe ô tô biển số 51F-57870.

Để khởi kiện yêu cầu bồi hoàn tiền bảo hiểm, Tổng Công ty B1 đã căn cứ vào khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 thì việc chuyển quyền yêu

cầu bồi hoàn được thực hiện *"trong trường hợp người thứ ba có lỗi gây thiệt hại"*. Tuy nhiên, theo Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 110/TB-CSĐT-TH ngày 05-4-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thì tài xế lái xe của Công ty P1 không hề có lỗi, tài xế lái xe đảm bảo đúng độ tuổi, đủ sức khỏe, được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời, xe ô tô khách biển số 72B-031.60 đảm bảo an toàn kỹ thuật, đủ điều kiện hoạt động giao thông, đăng kiểm đầy đủ.

Tài xế lái xe của Công ty P1 không thể nào thấy trước được đến km đó, đến khoảng thời gian đó, xe ô tô của họ sẽ bị bể lốp và buộc phải có biện pháp ngăn ngừa hậu quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành điều tra đúng quy định và kết luận không truy cứu trách nhiệm hình sự bởi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, sự việc xảy ra là sự kiện bất ngờ theo Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 2015, có nghĩa là kết luận Công ty P1 không có lỗi gây ra vụ tai nạn. Do vậy, Công ty P1 không có nghĩa vụ bồi thường trách nhiệm dân sự theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng lời khai của tài xế Phạm Trung N1 điều khiển xe ô tô khách biển số 72B-031.60 về việc khoảng cách giữa xe ô tô khách biển số 72B-031.60 với xe chạy phía trước cùng chiều vào thời điểm ngay trước khi xảy ra va chạm là khoảng 15m tại Biên bản ghi lời khai ngày 15-8-2022 của Công an huyện N (cũ) là không có cơ sở. Bị đơn cho rằng tài xế Phạm Trung C2 ước lượng khoảng cách bằng mắt thường và khai chủ quan tại thời điểm lấy lời khai nên thông tin cung cấp là không chính xác. Trong khi đó, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn lập ngày 20-7-2022 cũng thể hiện khoảng cách giữa hai xe sau khi xảy ra va chạm là khoảng 15m, do đó, có khả năng ông T4 đã nhầm lẫn giữa khoảng cách trước khi xảy ra tai nạn và khoảng cách giữa hai xe sau khi phương tiện đã dừng lại. Ngoài ra, trong suốt quá trình khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, lấy lời khai những người liên quan và thu thập dữ liệu giám sát hành trình, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N (cũ) đều không kết luận tài xế T4 vi phạm quy định về giữ khoảng cách an toàn. Do đó, phía bị đơn cho rằng quá trình điều khiển phương tiện, tài xế T4 đã thực hiện đúng các quy định tham gia giao thông đường bộ, đảm bảo tốc độ và khoảng cách an toàn đúng theo quy định của pháp luật.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho biết, tài xế Phạm Trung N1 điều khiển xe ô tô khách biển số 72B-031.60 là tài xế thực tập, chưa giao kết hợp đồng lao động với Công ty P1, việc Công ty P1 giao xe cho ông T4 không được thực hiện bằng văn bản vì không nhằm mục đích giao quyền chiếm hữu, sử dụng xe mà tài xế chỉ thực hiện công việc điều khiển xe và nhận tiền công.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5, ông Hoàng Phúc N, ông Phạm T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhưng vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Phạm T4 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 15-8-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty B1 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 về tranh chấp yêu cầu bồi hoàn tiền bảo hiểm.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 phải thanh toán cho Tổng Công ty B1 số tiền 702.629.452đ (Bảy trăm lẻ hai triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Kháng cáo: Ngày 15-8-2025, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty B1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Về hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm: Hợp đồng B hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm được tuân thủ đúng các quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự và Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Thời điểm xảy ra va chạm giao thông, gây thiệt hại còn trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng. Do đó, P3 bồi thường cho Công ty T5 – chủ xe ô tô biển số 51F-578.70 theo kết quả định giá tài sản là phù hợp.

Về xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Va chạm giao thông giữa xe ô tô khách biển số 72B-031.60 của Công ty P1 với xe ô tô biển số 51F-578.70 của Công ty T5 đã làm cho hai xe bị hư hỏng. Theo Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm và Biên bản ghi lời khai ngày 15-8-2022 của Công an huyện N thì ông Phạm T4 là tài xế điều khiển xe ô tô khách di chuyển với tốc độ khoảng 70km/h đã thắng gấp để tránh va chạm với xe ô tô phía trước cùng chiều cách khoảng 15m dẫn đến xe ô tô khách bị bể lốp trước, bên trái làm xe bị loạng choạng không thể điều khiển được, xe tiếp tục chạy qua làn đường thứ ba thì xảy ra va chạm vào bên hông

xe ô tô con. Căn cứ vào Điều 11 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ trưởng Bộ G thì tài xế điều khiển xe ô tô khách đã không đảm bảo khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông nên không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế chấp thiết. Đồng thời, phía bị đơn xác định, tài xế Phạm T4 là nhân viên tập sự của Công ty P1. Vì vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 601 BLDS năm 2015 thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty P1 phải bồi thường là có căn cứ.

Về xác định thiệt hại thực tế: P3 đã chi trả tiền bảo hiểm cho chủ sở hữu xe ô tô biển số 51F-578.70 theo kết luận giám định của bên bảo hiểm và bảng báo giá sửa chữa và thấp hơn số tiền chi phí sửa chữa theo giám định do Công an đã trưng cầu. Hơn nữa, trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc tai nạn giao thông, Công ty P1 không có ý kiến về thiệt hại phát sinh theo kết luận giám định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số tiền bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Về việc chuyển giao quyền yêu cầu: Như nội dung đã phân tích nêu trên, sự việc va chạm giao thông không thuộc trường hợp bất khả kháng và ngày 27-6-2023, Công ty T5 đã có thư chấp nhận bồi thường 702.629.452 đồng và chuyển quyền khiếu nại bên thứ ba gây ra tổn thất nêu trên cho Bảo hiểm P3. Do đó, căn cứ Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều 365 Bộ luật dân sự, P3 thực hiện quyền yêu cầu bên thứ ba để bồi hoàn tiền bảo hiểm là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 đảm bảo nội dung và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đều thuộc trường hợp có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về phạm vi trách nhiệm bảo hiểm:

Ngày 06-01-2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 và Công ty Bảo hiểm P3 Thành phố H (thuộc Tổng Công ty B1) ký kết Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số

C2204/AUTO/15/11/22, đính kèm Danh mục xe ô tô tham gia bảo hiểm. Theo đó, xe ô tô nhãn hiệu Land Rover, biển kiểm soát 51F-578.70 của chủ xe Công ty T5 được bảo hiểm vật chất trong thời hạn từ 08 giờ 00 phút ngày 06-01-2022 đến 08 giờ 00 phút ngày 06-01-2023 với số tiền bảo hiểm 2.100.000.000 đồng, theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 220005458. Hợp đồng bảo hiểm nói trên thỏa mãn quy định tại các Điều 116-119, 385, 398, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 (sau đây gọi tắt là BLDS) và các Điều 12-14 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sau đây gọi tắt là Luật Kinh doanh bảo hiểm) nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Ngày 20-7-2022, xe ô tô con biển số 51F-578.70 của Công ty T5 (sau đây gọi tắt là xe con) nói trên xảy ra va chạm với xe ô tô khách biển số 72B-031.60 của chủ xe Công ty P1 (sau đây gọi tắt là xe khách), do ông Phạm T4 điều khiển, hậu quả khiến cho xe con bị thiệt hại vật chất với tổng chi phí sửa chữa theo báo giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P2 là 703.129.452 đồng. Căn cứ Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm nêu trên, P3 đã thanh toán cho Công ty T5 toàn bộ tiền sửa chữa là 702.629.452 đồng (đã trừ 500.000 đồng/vụ tổn thất theo mức khấu trừ đã thỏa thuận). Số tiền này được P3 chuyển khoản trực tiếp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P2 dựa trên thỏa thuận tại Hợp đồng sửa chữa số 03.22001845/HDSC ngày 05-5-2023 giữa ba bên liên quan. Xét thấy, P3 đã thực hiện đúng trách nhiệm bảo hiểm trong phạm vi thỏa thuận, trong thời hạn bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm, đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

[2.2.1] Về việc bị đơn cho rằng khi giám định xác minh những hư hỏng của xe để tiến hành sữa chữa thì không có sự tham gia của đại diện Công ty P1 nên không khách quan và không thể xác định được mức thiệt hại thật sự của xe con, xét thấy: Sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, người bảo hiểm và người được bảo hiểm đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Luật Kinh doanh bảo hiểm về việc giám định tổn thất. Đồng thời, số tiền bảo hiểm mà P3 đã chi trả là 702.629.452 đồng, thấp hơn so với chi phí sửa chữa là 770.784.552 đồng được nêu tại kết luận của Hội đồng định giá huyện N (cũ) trong Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 110/TB-CSĐT-TH ngày 05-4-2023. Quá trình cơ quan chức năng xác minh nguồn tin về tội phạm, các bên có liên quan đều đã được thông báo và xác nhận về chi phí sửa chữa đối với các thiệt hại phát sinh do vụ va chạm, tuy nhiên, các bên đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về số tiền này. Ngoài ra, tại thời điểm chi trả bảo hiểm, các bên không thể biết được rằng có nhận được tiền bồi hoàn từ bên thứ ba (Công ty P1) hay không. Đồng thời, vụ va chạm dẫn đến việc cả xe con và xe khách bị hư hỏng là thiệt hại thực tế đã xảy ra, mặc dù Công ty P1 không đồng ý chi phí sửa chữa nói trên nhưng cũng không đưa ra được căn cứ nào khác để xác định mức thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để xác định chi phí sửa chữa xe con cũng đồng thời bằng số tiền bảo hiểm 702.629.452 đồng là thiệt hại thực tế đã phát sinh.

[2.2.2] Theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và Thông tư 53/2024/TT-BGTVT ngày 15-11-2024 thì xe khách được xác định là phương tiện giao thông vận tải cơ giới nên đồng thời được xác định là nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định tại khoản 1 Điều 601 BLDS.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 601 BLDS thì chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi, trừ trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại hoặc thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết. Theo các kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như lời khai của các đương sự thì có căn cứ để xác định, xe con tham gia giao thông đúng quy định, không có hành vi cố ý làm phát sinh thiệt hại. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã không truy cứu trách nhiệm hình sự, có nghĩa là kết luận Công ty P1 không có lỗi gây ra vụ tai nạn do đây là sự kiện bất khả kháng nên Công ty P1 không phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về "Sự kiện bất ngờ": *"Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự"*.

Điều 156 BLDS quy định về "Sự kiện bất khả kháng": *"Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép"*.

"Sự kiện bất ngờ" và "sự kiện bất khả kháng" là hai khái niệm khác nhau, không đồng nhất, "sự kiện bất ngờ" dẫn đến việc miễn trách nhiệm hình sự của người trực tiếp điều khiển xe, nhưng "sự kiện bất khả kháng" mới dẫn đến việc miễn trừ trách nhiệm dân sự của chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T4 lên Tòa án làm việc tuy nhiên ông T4 không đến. Căn cứ vào hồ sơ thu thập được tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, cụ thể tại Bản tự khai ngày 15-8-2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 15-8-2022 tại Đội Điều tra tổng hợp Công an huyện N, ông Phạm T4 là tài xế điều khiển xe khách đã trình bày *"...Tôi đang đi thẳng đúng phần đường của mình, vận tốc khoảng 70km/h, thì bất ngờ có 01 chiếc xe 05 chỗ mang biển số "93" của Bình Phước thắng gấp, lúc bấy giờ quá bất ngờ, tôi thắng gấp để tránh thương vong cho hành khách trên xe tôi, vì thắng gấp, nên xe tôi nổ vỏ đầu bên tài xế làm xe lạc lái đi về phần đường bên phải..."; "Lúc này tôi điều khiển xe đi với tốc độ khoảng 70km/h và đi làn đường giữa hướng Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - L - D để ra Quốc lộ E huyện L đi về V thì phía trước cùng chiều cách xe tôi khoảng 15m (tôi không nhớ biển số xe) bất ngờ thắng gấp……"*. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 11 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 (có hiệu lực tại thời điểm phát sinh sự việc), với tốc độ lưu hành từ trên 60km/h đến 80km/h thì khoảng cách an toàn tối thiểu 55m. Xét việc bị đơn cho rằng ông T4 nhầm lẫn giữa khoảng cách trước khi

xảy ra tai nạn và khoảng cách giữa hai xe sau khi phương tiện đã dừng lại, nhận thấy, theo lời khai của ông T4 thì "xe phía trước cùng chiều" và xe ô tô con biển 51F-578.70 là hai đối tượng khác nhau, thời điểm trước khi xảy ra tai nạn và sau khi hai phương tiện va chạm đã dừng lại cũng là hai thời điểm khác nhau nên quan điểm của bị đơn là không có căn cứ và không phù hợp với lời khai của ông T4 là người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông. Đồng thời, tại Bảng trích xuất dữ liệu giám sát hành trình của Công ty P1 gửi và được Công an huyện N (cũ) cung cấp cho Tòa án, có ghi chú rõ *"Camera chỉ chụp lại được hình ảnh toàn bộ bên trong của xe"*, do đó, việc bị đơn cho rằng Công an huyện N (cũ) đã thu thập dữ liệu giám sát hành trình và không kết luận tài xế T4 vi phạm quy định về giữ khoảng cách an toàn đồng nghĩa với việc ông T4 đã thực hiện đúng là không có cơ sở. Ngoài ra, phía bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh lời khai của ông Phạm T4 là không đúng.

Mặt khác, tại Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm cũng có ghi nhận rằng bánh xe bên trái phía trước của xe khách bị bể lốp khi tài xế thắng gấp để tránh va chạm với xe ô tô khác đi phía trước cùng chiều.

Như vậy, có căn cứ để xác định, ông T4 điều khiển xe khách di chuyển trên đường cao tốc, không đảm bảo khoảng cách an toàn với xe phía trước và khi xe phía trước thắng gấp, ông T4 cũng thắng gấp theo thì xe bị bể lốp trước bên trái làm cho xe không thể điều khiển đi đúng làn, từ đó mới dẫn đến va chạm. Ông T4 đã thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng ông không thể thấy trước hậu quả của hành vi nên ông không phải chịu trách nhiệm hình sự, đây là "sự kiện bất ngờ".

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định, thiệt hại xảy ra không do lỗi của người bị thiệt hại, không phải "sự kiện bất khả kháng" xảy ra một cách khách quan không thể lường trước và cũng không phải "tình thế cấp thiết" nên chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi.

[2.2.3] Về việc xác định chủ thể phải bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty P1 xác nhận, ông Phạm T4 không được Công ty P1 giao quyền chiếm hữu, sử dụng xe khách mà ông T4 chỉ là tài xế thực tập, được Công ty P1 giao lái xe và được trả tiền công. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 601 BLDS, điểm d khoản 2 Điều 69 Luật Giao thông đường bộ và điểm đ khoản 2 Phần III Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006, chủ sở hữu của xe khách là Công ty P1 có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại do tài sản của mình gây ra.

[2.3] Về việc chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn:

Ngày 29-6-2023, Công ty T5 có Thư chấp nhận bồi thường và chuyển quyền khiếu nại đối với bên thứ ba gây ra tổn thất nêu trên sang cho P3. Bị đơn cho rằng, việc Công ty V quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại cho P3 và P3 căn cứ vào khoản 1

Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm để khởi kiện yêu cầu Công ty P1 bồi hoàn tiền bảo hiểm là không có cơ sở, vì theo quy định tại điều khoản nêu trên thì người được bảo hiểm chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm phải được thực hiện *"trong trường hợp người thứ ba có lỗi gây thiệt hại cho người được bảo hiểm",* trong khi đó bị đơn cho rằng bị đơn không có lỗi gây ra thiệt hại.

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích tại mục [2.2] nêu trên về việc có hành vi không đảm bảo khoảng cách an toàn khi tham gia giao thông và về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ. Do đó, việc Công ty V quyền yêu cầu bồi thường sang cho P3 là phù hợp với quy định về trách nhiệm của người được bảo hiểm tại khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm và khoản 2 Điều 365 BLDS.

Như vậy, Tổng Công ty B1 đã đủ điều kiện, có quyền khởi kiện bên thứ ba để yêu cầu bồi hoàn số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm và thiệt hại đã được P3 bồi thường cho Công ty T5 theo Hợp đồng bảo hiểm nên Công ty P1 có trách nhiệm bồi hoàn lại cho P3.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 32.105.178 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 16.000.000 đồng theo Biên lai số 0002381 ngày 21-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11).

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên Công ty P1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0016611 ngày 10-9-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn còn phải chịu 1.700.000 đồng.

[5] Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 15-8-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh,

Áp dụng:

- Các Điều 30, 37, 38, 39, 144, 147, 148, 272, 273, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 116-119, 156, 365, 385, 398, 401, 584, 601 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 12-14, 17, 48, 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000;

- Điểm đ khoản 2 Phần III Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 11 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ trưởng Bộ G;

- Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15-11-2024 của Bộ trưởng Bộ G;

- Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty B1 đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 về việc tranh chấp yêu cầu bồi hoàn tiền bảo hiểm.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 phải thanh toán cho Tổng Công ty B1 số tiền 702.629.452đ (Bảy trăm lẻ hai triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 phải chịu 32.105.178đ (Ba mươi hai triệu, một trăm lẻ năm nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho Tổng Công ty B1 số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002381 ngày 21-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0016611 ngày 10-9-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn còn phải chịu 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17-3-2026).

Nơi nhận:
- VKSND TP . HCM;
- TAND Khu vực 11, TP . HCM;
- THADS TP . HCM (Phòng THADS KV11);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Vui